

I. TRẮC NGHIỆM (5điểm). Chọn câu trả lời đúng.

Câu 1. Tập hợp P bao gồm các số tự nhiên lớn hơn 4 và nhỏ hơn 10 là

- A. $P = \{4; 5; 6; 7; 8; 9; 10\}$ B. $P = \{4; 5; 6; 7; 8; 9\}$ C. $P = \{5; 6; 7; 8\}$ D. $P = \{5; 6; 7; 8; 9\}$

Câu 2. Cho tập hợp $A = \{x \in \mathbb{N} | x : 7\}$. Phần tử nào dưới đây thuộc tập hợp ?

- A. 13 B. 14 C. 15 D. 16

Câu 3. Một trường THCS có 25 phòng học, mỗi phòng học có 20 bộ bàn ghế, mỗi bộ bàn ghế có thể xếp tối đa cho 2 học sinh ngồi. Hỏi trường có thể nhận nhiều nhất bao nhiêu học sinh ?

- A. 1500 B. 500 C. 1000 D. 800

Câu 4. Kết quả của phép tính $9^{17} : 9^{16} \cdot 9^2$ là:

- A. 9^2 B. 9^{35} C. 9^3 D. 9^{31}

Câu 5. Số nào sau đây là bội chung của 6 và 9?

- A. 3. B. 24. C. 1. D. 18.

Câu 6. Trong các số tự nhiên sau số nào là số nguyên tố?

- A. 9. B. 13. C. 15. D. 4.

Câu 7. Số thích hợp được điền vào dấu ? trong biểu thức $? - 26 = 74 + 35$ là

- A. 83. B. 65. C. 153. D. 135.

Câu 8. Cho hình vuông ABCD có $AB = 7 \text{ cm}$. Tính độ dài đoạn thẳng BC?

- A. 14 cm . B. $3,5 \text{ cm}$ C. 2 cm . D. 7 cm .

Câu 9. Khẳng định nào sau đây đúng?

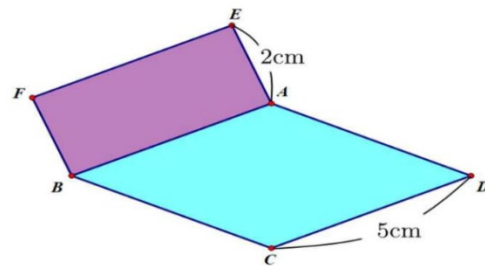
- A. $3 \in \text{ƯC}(6, 9, 18)$. B. $2 \in \text{ƯC}(6, 9, 18)$. C. $4 \in \text{ƯC}(6, 9, 18)$ D. $5 \in \text{ƯC}(6, 9, 18)$.

Câu 10. Cho hình chữ nhật ABFE và hình thoi ABCD, biết

$CD = 5 \text{ cm}$ và $AE = 2 \text{ cm}$. Diện tích của hình chữ nhật

ABFE bằng

- A. 14 cm^2 . B. 10 cm^2 .
C. 5 cm^2 . D. 7 cm^2 .



Câu 11. Ghép 6 tam giác đều có độ dài cạnh là 5 cm thành một lục giác đều. Khi đó độ dài đường chéo chính là

- A. 10 cm B. 30 cm C. 5 cm D. 15 cm

Câu 12. Trong các phép tính chia dưới đây, phép tính nào là phép tính chia có dư ?

- A. $1550 : 5$ B. $226 : 2$ C. $121 : 10$ D. $1260 : 3$

Câu 13. Hãy chọn phương án đúng : Thương $5^{10} : 5^5$ là

- A. 5^2 B. 5^5 C. 5^{15} D. 1^5

Câu 14. Số tự nhiên x thỏa mãn $2^x - 15 = 17$ là

- A. $x = 2$. B. $x = 3$. C. $x = 4$. D. $x = 5$.

Câu 15. Chữ số 5 trong số 15 978 có giá trị bằng

- A. 5 000 B. 50 000 C. 500 D. 50

Câu 16. Giá trị của biểu thức $4^2 \cdot 3 - 33 + 7$ bằng

- A. 8. B. 34. C. 22. D. 88.

-
- A diagram of a rectangular field. The top horizontal boundary is labeled "25m". The left vertical boundary is labeled "2m". The interior of the rectangle is filled with a light green color.



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HUYỆN TÂN YÊN

HƯỚNG DẪN CHẤM
BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
Môn : Toán 6
Năm học : 2024-2025

I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm): Mỗi ý đúng được 0,25 điểm

1- D	6- B	11- A	16- C
2- B	7- D	12- C	17- B
3- C	8- D	13- B	18- B
4- C	9- A	14- D	19- C
5- D	10- B	15- A	20- A

II. TỰ LUẬN (5 điểm)

Chú ý: *Dưới đây là hướng dẫn cơ bản, bài làm của HS phải trình bày chi tiết. HS giải bằng nhiều cách khác nhau đúng vẫn cho điểm tối đa. HS làm đúng đến đâu cho điểm đến đó. (Nếu quá trình lập luận và biến đổi bước trước sai, bước sau đúng cũng không cho điểm).

Câu	Phần	Hướng dẫn giải	Điểm
Câu 1	a)	$85 - 50 : 5 + 2$ $= 85 - 10 + 2$ $= 75 + 2$ $= 77$	0,25 0,25
	b)	$100 - (7 + 3.2^2)$ $= 100 - (7 + 3.4)$ $= 100 - (7 + 12)$ $= 100 - 19$ $= 81$	0,25 0,25
Câu 2	a)	$x + 21 = 32$ $x = 32 - 21$ $x = 9$ Vậy $x = 9$	0,25 0,25

Câu	Phần	Hướng dẫn giải	Điểm
	b)	$3x - 2.3^2 = 132$ $3x - 2.9 = 132$ $3x - 18 = 132$ $3x = 132 + 18$ $3x = 150$ $x = 50$ Vậy $x = 50$	0,25 0,25
Câu 3	a)	Khối lượng hàng hoá trong 28 thùng hàng là	0,5
		$16.350 + 12.500 = 11\ 600$ (kg)	
	b)	Đổi $11\ 600\text{kg} = 11,6$ tấn	0,5
		Vì 11,6 chia 2 được 5 và dư 1,6 nên cần $5 + 1 = 6$ xe để chuyển hết khối lượng hàng về kho cùng một lúc	
		KL:	
Câu 4	a)	Chiều rộng mảnh đất là:	0,25
		$\frac{3}{5}.25 = 15$ (m)	
		Diện tích để trồng cây là:	0,5
		$(25-2) \cdot (15-2) = 299$ (m ²)	
	b)	Diện tích mảnh vườn là: $25.15 = 375$ (m ²)	0,25
		Diện tích phần lối đi là: $375 - 299 = 76$ (m ²) = 760 000 cm ²	0,25
		Diện tích một viên gạch là: $40.40 = 1600$ (cm ²)	
		Cần dùng số viên gạch để lát đường đi là: $760\ 000 : 1600 = 475$ (viên gạch)	0,25
Câu 5		Gọi số túi phần thưởng nhiều nhất có thể chia được là a (túi)	0,25
		Điều kiện: $a \in \mathbb{N}^*$; $a \leq 40$	
		Vì 90 quyển vở, 40 cái bút chì và 60 cục tẩy được chia đều vào các túi nên $90 : a$; $40 : a$; $60 : a$ nên a là ước chung của 90; 40; 60	
		Mà a là số túi lớn nhất nên $a = UCLN(90, 40, 60)$	
		Tìm được $a = 10$ (thỏa mãn)	0,25
		Khi đó mỗi túi quà có: Số vở là $90 : 10 = 9$ (quyển vở)	
		Số bút chì là $40 : 10 = 4$ (bút chì)	
		Số cục tẩy là $60 : 10 = 6$ (cục tẩy)	
		KL:	

-----HẾT-----